TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Hợp
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Văn Toản
2. Ông Nguyễn Ngọc Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/8/2019 và ngày 06/9/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1988 (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn T - sinh năm 1984 (có mặt).

Đều địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang- Phòng giao dịch Tự Lạn do ông Trần Mạnh N – Giám đốc phòng giao dịch đại diện. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện nội dung vụ án như sau:

Chị Ngô Thị T trình bày: Chị T và anh T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận với nhau được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T hay chơi cờ bạc và đánh đập vợ con không quan tâm đến gia đình, nhiều lần anh T đánh đập chị T đã phải mang con về nhà đẻ ở. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải khuyên bảo để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả, anh T vẫn ham chơi cờ bạc và đánh đập chị T. Đến ngày 23/12/2016 do không chấp nhận được

cuộc sống như vậy chị T đã mang con gái về nhà đẻ ở từ đó cho đến nay không quay lại chung sống cùng anh T nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị được ly hôn anh T theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Tú A, sinh ngày 02/7/2010 và Trần Duy H, sinh ngày 30/8/2012. Nay hai con đang ở với anh T, đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị T nhận nuôi con lớn của vợ chồng là Trần Thị Tú A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hiện tại chị T đi làm Công ty thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đồng/ 1 tháng. Tại phiên tòa chị T đề nghị giao cả hai con cho anh T nuôi dưỡng và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

Tài sản chung, ruộng canh tác: Không có.

Công nợ: Hiện tại vợ chồng còn nợ Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện Việt Yên- Phòng giao dịch Tự Lạn số tiền nợ gốc là 57.000.000đồng, sau khi ly hôn chị T nhận trả 28.500.000đồng và lãi suất phát sinh do Ngân hàng quy định. Tại phiên tòa chị T nhận trả Ngân hàng 25.000.000đồng và lãi suất phát sinh theo quy định.

Anh Trần Văn T trình bày: Anh T và chị T kết hôn có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, sau khi kết hôn chị T về chung sống với anh T và gia đình ngay vợ chồng có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung về sau vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do con thứ hai của vợ chồng mắc bệnh tim, thường xuyên phải đi viện nên có ảnh hưởng đến kinh tế. Vợ chồng không đánh cãi chửi nhau, chị T đã tự bỏ về nhà đẻ từ tháng 4/2017 cho đến nay. Anh T và gia đình đã gọi chị T về đoàn tụ nhiều lần nhưng chị T không về và cũng không nói lý do, hai bên gia đình động viên vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T không về. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T ly hôn anh T không nhất trí, anh T đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn anh T cũng nhất trí. Tại phiên tòa anh T không nhất trí ly hôn chị T.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Tú A, sinh ngày 02/7/2010 và Trần Duy H, sinh ngày 30/8/2012. Hiện nay hai con vẫn đi lại với anh T và chị T vì do hai nhà ở gần nhau. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh T đề nghị Tòa án giao cho chị T nuôi cả hai con chung của vợ chồng, nếu chị T không nuôi anh T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh T nhận nuôi 01 con, con nào cũng được.

Tài sản, ruộng canh tác không có vướng mắc gì sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Công nợ: Hiện tại vợ chồng còn nợ Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện Việt Yên- Phòng giao dịch Tự Lạn số tiền nợ gốc 57.000.000đồng. Sau khi ly hôn đề nghị chia đôi mỗi người chịu một nửa. Tại phiên tòa anh T nhận trả Ngân hàng 32.000.000đồng tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định.

Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang- Phòng giao dịch Tự Lạn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên giải quyết về nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng giữa vợ chồng anh T và chị T trong vụ án này và buộc anh Trần Văn T và chị Ngô Thị T có trách nhiệm trả nợ theo đúng quy định hiện hành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành phát luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào Điều 56, 59, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

Quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Trần Văn T.

Con chung: Giao cho chị Ngô Thị T nuôi con chung của vợ chồng là Trần Thị Tú A, sinh ngày 12/7/2010; giao cho anh Trần Văn T nuôi con chung của vợ chồng là Trần Duy H, sinh ngày 30/8/2012. Chị T và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Công nợ: Chị Ngô Thị T phải trả Ngân hàng số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Anh Trần Văn T phải trả Ngân hàng số tiền nợ gốc 32.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị T, miễn toàn bộ án phí DSST cho anh T và chị T, trả lại Ngân hàng và chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang- Phòng giao dịch Tự Lạn do ông Trần Mạnh N- Giám đốc Phòng giao dịch đại diện vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng măt. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông Trần Mạnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Ngô Thị T và anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/10/2009 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh T kết hôn với nhau đã có thời gian chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh T ham chơi cờ bạc không quan tâm chăm lo đến vợ con và hay đánh đập chị T. Nay chị T xác định tình cảm không còn, chị T xin ly hôn anh T. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T xin ly hôn anh T không nhất trí.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị T và anh T về đoàn tụ nhưng chị T không chấp nhận chung sống cùng anh T nữa, giữa anh T và chị T hai bên chấm dứt quan hệ đã lâu, chị T không có nguyện vọng đoàn tụ. Anh T không nhất trí ly hôn, tuy nhiên anh T cũng không có biện pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị T về nhà đẻ ở thời gian dài nhưng anh T cũng không đến gọi chị T về đoàn tụ. Việc anh T không nhất trí ly hôn chỉ là gây khó khăn cho chị T. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Trần Văn T theo quy định tại Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Tú A, sinh ngày 02/7/2010 và Trần Duy H, sinh ngày 30/8/2012. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con lớn và để anh T nuôi con nhỏ, anh T đề nghị Tòa án giao cho chị T nuôi cả hai con, nếu chị T không nuôi cả hai con anh T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị T đề nghị giao cả hai con cho anh T nuôi dưỡng và chị T cấp dưỡng nuôi con cho anh T, anh T không chấp nhận ý kiến của chị T.

Xét yêu cầu của chị T giao cho anh T nuôi cả hai con chung là không có căn cứ chấp nhận. Hiện tại chị T và anh T đều có thu nhập hàng tháng. Tuy nhiên, mức thu nhập của chị T và anh T đều không cao, nếu giao cho anh T nuôi cả hai con chung của vợ chồng thì không đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Do vậy cần giao cho chị T và anh T mỗi người nuôi một con chung là phù hợp pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của bố, mẹ đối với con chung sau ly hôn. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Tú A là con gái, đang trong độ tuổi phát triển về thể chất và tâm sinh lý, rất cần sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Thị Tú A cho chị T nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp pháp luật, đảm bảo cho sự phát triển của cháu Nguyễn Thị Tú A và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu, đồng thời giao cho anh T nuôi con nhỏ của vợ chồng là Trần Duy H là phù hợp pháp luật và phù hợp điều kiện thực tế của anh T. Do chị T và anh T mỗi người nuôi một con nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị T và anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T và anh T thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, ruộng đất: Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về công nợ: Hiện nay chị T và anh T còn nợ Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh Việt Yên- Phòng giao dịch Tự Lạn số tiền nợ gốc là 57.000.000đồng và tiền lãi đến ngày 06/9/2019 là 6.763.342đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 63.763.342đồng. Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang- Phòng giao dịch Tự Lạn yêu cầu chị T và anh T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Xét yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ chị T và anh T không còn chung sống với nhau thì số nợ Ngân hàng phải phân chia cụ thể để anh T và chị T có nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng. Tại phiên tòa chị T chỉ xác nhận vợ chồng nợ 50.000.000đồng trước khi hai bên sống ly thân, nay chị T chỉ chấp nhận trả một nửa số nợ là 25.000.000đồng và lãi suất phát sinh của số

tiền này, anh T khi đổi sổ vay thêm 7.000.000đồng thì anh T phải có nghĩa vụ riêng với số nợ 7.000.000đồng. Tại phiên tòa anh T nhất trí ý kiến chị T để cho chị T trả số nợ gốc 25.000.000đồng và lãi suất theo quy định. Anh T nhận trả 32.000.000đồng và lãi suất phát sinh. Như vậy số tiền buộc chị T phải trả Ngân hàng là 25.000.000đồng tiền gốc, tiền lãi là 2.760.330đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 27.760.330đồng. Anh T phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng nợ gốc 32.000.000đồng và tiền lãi là 4.003.012đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 36.003.012đồng.

[6] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí DSST, trả lại Ngân hàng số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Chị T và anh T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật và trả lại chị T số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Điều 56, 59, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình;

-Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Trần Văn T.

- Con chung: Giao cho chị Ngô Thị T nuôi con chung của vợ chồng là Trần Thị Tú A, sinh ngày 12/7/2010; giao cho anh Trần Văn T nuôi con chung của vợ chồng là Trần Duy H, sinh ngày 30/8/2012. Anh T và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T và chị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T và chị T thực hiện quyền này.

- Công nợ: Buộc chị Ngô Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang- Phòng giao dịch Tự Lạn số tiền nợ gốc là 25.000.000đồng, tiền lãi là 2.760.330đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 27.760.330đồng. (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi ngàn ba trăm ba mươi đồng*).

Buộc anh Trần Văn T phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang- Phòng giao dịch Tự Lạn số tiền nợ gốc là 32.000.000đồng, tiền lãi là 4.003.012đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 36.003.012đồng. (*Ba mươi sáu triệu không trăm linh ba ngàn không trăm mười hai đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 2503LAV 201701754 ngày 18/5/2017 của Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang- Phòng giao dịch Tự Lạn đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn và tiền án phí DSST sơ thẩm cho chị Ngô Thị T, miễn toàn bộ tiền án phí DSST cho anh Trần Văn T.

Trả lại chị Ngô Thị T số tiền 300.000đồng(*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 05346 ngày 01/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Trả lại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang- Phòng giao dịch Tự Lạn số tiền 1.425.000đồng *(Một triệu bốn trăm hai mươi năm ngàn đồng*) theo biên lai số 05496 ngày 15/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

- Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Vũ Văn Hợp